

Trầu Cau Trong Đời Sống Văn Hóa Dân Tộc (phần I)
[07/07/2007 - Tác giả: [admin1](#) - Vietnam Review]

G.S. Phạm Thị Nhung

Ngày nay, qua nhiều sách vở và các tài liệu khảo cổ, người ta được biết trầu cau là hai loại cây đã xuất hiện rất lâu đời ở các vùng Trung Ấn, Đông Nam Á và ở một số quần đảo trên Thái Bình Dương; như trong di chỉ khảo cổ thuộc văn hóa Hòa Bình, hạt cau đã được tìm thấy trên dưới một vạn năm (1). Tại các nơi đây đã có nhiều dân tộc có tục ăn trầu như các dân tộc thiểu số xưa ở miền nam nước Trung Hoa (kể từ lưu vực sông Dương tử trở xuống), tức người Trung Hoa miền nam ngày nay, các dân tộc Thái Lan, Miến Điện, các dân tộc Việt-Mên-Lào, kể cả các dân tộc thiểu số như người Thái, Tày, Nùng, Mường, Dao, Thượng... trên bán đảo Đông Dương, cùng các dân tộc trên quần đảo Nam Dương, Mã Lai, Phi Luật Tân; và ở Ấn Độ cũng có nhiều nơi dân chúng có tục ăn trầu (2).

Có lẽ người xưa, do kinh nghiệm mà có, đã biết sử dụng vôi, trầu, cau, cũng như các loại lá, rễ, quả của nhiều thứ cây khác tìm được để bảo vệ sức khỏe, phòng ngừa hay trị bệnh. Quả thực, ăn trầu đã giúp cho cơ thể được ấm nóng chống lạnh, chống sơn lam thủy khí; ăn trầu lại sạch miệng, răng lợi và xương cốt được bồi dưỡng, vững mạnh.

Sự tích trầu cau - Ý nghĩa.

Riêng tại xứ ta, tục ăn trầu tất nhiên đã có rất sớm, ngay tục dùng trầu cau làm sính lễ cưới hỏi thay muối (vì người xưa cho muối là quý nhất) có thể cũng có đã lâu, nhưng chưa biết bắt đầu từ thời điểm nào. Phải đợi đến cuối thế kỷ thứ XV, sách Lĩnh Nam Chích Quái của Trần Thế Pháp ra đời, nó mới được ghi chép lại thành một truyện tích rõ ràng, có một nguồn gốc mang nhiều ý nghĩa thâm thúy.

Theo tài liệu của Bùi Văn Nguyên, dịch giả cuốn Tân Đính Lĩnh Nam Chích Quái của Vũ Quỳnh, thì Trần Thế Pháp trong bài đề tựa sách của mình, có cho biết, chính ông là người đã sưu tập được cuốn Lĩnh Nam Chích Quái Lục, bản gốc, của một tác giả khuyết danh, có lẽ khởi thảo vào đời Trần. Sách chép những chuyện huyền hoặc, quái dị trong nước từ xưa đến nay, căn cứ vào lời kể của dân gian và chỉ được phổ biến trong từng địa phương.

Được sách, họ Trần bèn nghiên cứu cho sáng tỏ đầu đuôi sự việc rồi chép lại, có sắp xếp và chỉnh lý về nội dung một số truyện.

Sau đó, tác giả Vũ Quỳnh rồi Kiên Phú (đời hậu Lê) cũng dựa vào bản gốc để viết lại L.N.C.Q. theo sự sắp đặt riêng của mình. Đặc biệt trong cuốn Tân Đính L.N.C.Q., Vũ Quỳnh đã bổ xung nhiều chi tiết, thêm nhiều truyện mới và viết bằng một hình thức mới mẻ, hấp dẫn hơn.

Sự tích Trầu Cau trong L.N.C.Q. đã có nội dung như thế nào?

Vào thời xa xưa, có hai anh em nhà họ Cao, một người tên Tân, một người tên Lang (tân lang có nghĩa là cây cau) rất mực thương yêu nhau. Khi cha mẹ qua đời, hai anh em đến trọ học nhà ông thầy họ Lưu.

Thấy Tân và Lang vừa học giỏi, vừa đẹp người đẹp nết, ông thầy yêu quý như con. Cô con gái của thầy cũng đem lòng quyến luyến, muốn chọn người anh làm chồng.

Hai anh em Tân và Lang sát tuổi nhau, dung mạo lại giống nhau như khuôn đúc, cô gái không sao đoán được ai là anh, ai là em. Nhân dịp biểu cháo, cô cố ý chỉ đưa tới một bát cháo với một đôi đũa rồi rình xem, thấy Lang cung kính mời Tân ăn trước cô mới biết Tân là anh, và xin cha được gá nghĩa cùng chàng.

Vợ chồng Tân và Xuân Phù (tên cô gái, xuân phù có nghĩa là trầu không mùa xuân) sống rất hạnh phúc. Hai anh em Tân và Lang vẫn ở bên nhau, nhưng Lang nhận thấy từ ngày anh có vợ, tình anh đối với mình không còn quyến luyến như xưa, trong khi ấy người anh vô tình không hề hay biết. Đã thế lại xảy ra chuyện hiểu lầm. Một hôm hai anh em đi làm đồng về muộn, Lang về trước, nàng Lưu tưởng chồng, chạy ra vốn vả âu yếm. Lang vội lên tiếng, cả hai đều biết là nhầm nên rất ngỡ ngàng. Tân về, biết chuyện để dạ nghi ngờ, từ đó tỏ ra lạnh nhạt với em hơn.

Lang buồn tủi âm thầm bỏ nhà ra đi. Chàng lang thang trong rừng cho tới khi kiệt sức, chết đi hóa thân thành cây cau bên bờ suối vắng.

Thấy em không về, Tân ân hận, xót xa. Chàng lặng lẽ lên đường tìm em. Tân cũng đã tới bờ suối nọ, ngồi bên cây cau than khóc. Khi thân xác rũ rượi, chàng chết hóa thân thành tảng đá vôi, nằm sát bên gốc cau.

Nàng Lưu chờ chồng mãi chẳng thấy trở về, quá nhớ thương nên lại đi tìm. Một chiều kia nàng cũng tới được bờ suối định mệnh. Nàng ngồi trên tảng đá khóc miết... đến khi hồn lìa khỏi xác thì hóa thân thành cây trầu không, leo bám trên thân đá.

Gia đình họ Lưu đi tìm con, được biết chuyện bèn lập miếu thờ. Người đương thời rất cảm kích trước tình anh em khăng khít, tình vợ chồng thắm thiết, thủy chung của anh em vợ chồng họ Cao nên thường đến đốt nhang, chiêm bái, cầu cúng (3).

Một hôm vua Hùng thứ tư nhân dịp tuần du qua đấy, thấy có miếu thờ, lại được dân sở tại kể cho nghe câu chuyện thương tâm kia thì vô cùng cảm động. Ngài bảo lấy trầu cau ăn thử mới khám phá ra một mùi vị thơm cay, nồng ấm, và khi nhổ nước cốt trầu xuống tảng đá vôi lại thấy hiện ra sắc đỏ tươi như máu, nhà vua cho là quý bèn truyền lấy giống về trồng, xa gần bắt chước làm theo. Ngài còn xuống lệnh cho thần dân từ nay sẽ nhất thiết dùng trầu cau trong các dịp cưới hỏi, và trong các buổi hội họp lớn, nhỏ. Tục ăn trầu ở nước ta có từ đó.

Sau khi đọc sự tích Trầu Cau trong Lĩnh Nam Chích Quái, ta nhận thấy, truyện được ghi chép lại không những có kết cấu chặt chẽ, lại phối hợp được cả hai yếu tố hiện thực lẫn huyền hoặc một cách khéo léo. Như thế, các tác giả của nó đã khiến một câu chuyện truyền khẩu vụn vặt, còn mờ nhạt trong dân gian trở thành một truyện cổ tích có đầu đuôi, vừa lý thú hấp dẫn, vừa hàm chứa nhiều ý nghĩa thâm thúy.

Quả vậy, ở giai đoạn đầu, truyện có tính hiện thực với dấu vết thời đại, với những tên tuổi rõ ràng, có ý nghĩa, với những tình tiết hợp tình, hợp lý, tự nhiên. Ở giai đoạn cuối, truyện trở nên huyền hoặc: hai anh em họ Cao và vợ người anh vì không hiểu nhau nên đã tự chia lìa. Chỉ đến khi cả ba người cùng chết đi và chết bên nhau, người em hóa cây cau, người anh hóa phiến đá vôi và vợ người anh hóa cây trầu không, họ mới có được sự cảm thông hoàn toàn; từ nay họ sẽ mãi mãi gắn bó bên nhau và kết hợp thành một quả miếng trầu tình nghĩa. Ở đó, một dòng nước đỏ tươi như máu được tiết ra, tượng trưng cho tình gia đình muôn đời thiêng liêng, bền chặt.

Trần Thế Pháp, cũng như các tác giả đời Lê khác, khi viết lại sự tích Trầu Cau nói riêng, dàn dựng lại những huyền thoại dân gian trong Lĩnh Nam Chích Quái nói chung, hiển nhiên đã có hậu ý đề cao những giá trị cũ của dân tộc, với mục đích phổ biến để giáo dục con em theo tinh thần 24 điều dụ của vua Lê Thánh Tông (4). Có lẽ bắt đầu từ đây (cuối thế kỷ XV) các truyện cổ tích, thần thoại nói chung, truyện Trầu Cau nói riêng mới được truyền bá rộng rãi trong toàn quốc. Riêng trong sự tích Trầu Cau, ta thấy các tác giả muốn giải thích cho mọi người hiểu rằng, dân tộc ta đã có một đời sống văn hóa khá cao ngay từ thuở xa xưa, từ thời Hùng Vương kia (theo Đại Việt Sử Lược, vào khoảng thế kỷ thứ VII trước Tây lịch) (5). Ngay từ thuở đó xã hội Việt Nam đã có truyền thống lấy gia đình làm gốc, anh em biết thương quý nhau, trên kính dưới nhường; vợ chồng lấy nhau vì tình vì nghĩa, và người đàn bà đã biết trọn niềm chung thủy son sắt với chồng... Không phải đợi đến khi người Trung Hoa sang đô hộ nước ta, giáo hóa ta, dân ta mới biết thế nào là hiếu để, thế nào là tiết nghĩa.

Và cũng vì sự tích Trầu Cau có ý nghĩa sâu sắc như thế nên tục ăn trầu của dân ta đã được thăng hoa, trở thành một mỹ tục mang tính chất đặc thù của một nền văn minh cổ Đông Nam Á. Mỹ tục ăn trầu này đã gắn liền với những sinh hoạt văn hóa, từ đời sống vật chất hằng ngày đến đời sống tinh thần của dân ta trước kia như thế nào?

Để tìm hiểu, chúng ta tất phải dựa một phần lớn vào những tài liệu có từ ngàn xưa, đó chính là loại văn chương bình dân truyền khẩu của dân tộc: thành ngữ, tục ngữ, ca dao và dân ca v.v.

1. Trầu cau nơi quê hương

Chúng ta đều biết, xưa kia trầu cau là hai loại cây được trồng khắp nơi trên quê hương đất nước để lấy lá, lấy trái dùng hằng ngày. Từ vua quan cho chí thứ dân, từ đàn ông cho chí đàn bà, ai ai cũng thích nhai trầu; nhiều người còn nghiện là đằng khác, nhất là các bà già bình dân, nhai trầu bồm bồm suốt ngày, do đó mới có khẩu ngữ "bà già trầu".

Đặc biệt cây cau chẳng những được dân gian quý hóa bảo nhau trồng ở sân trước nhà - chui sau cau trước - mà ngay ở Hoàng thành, vào đời Minh Mạng (1820 - 1840), cây cau còn được chọn khắc trên đỉnh đồng, có tên Anh Đỉnh, đỉnh thứ tư trong cửu đỉnh, được đặt trước sân Thế Miếu.

Với chúng ta, hình ảnh những hàng cau thẳng tắp, cao vút (nhiều khi cao hơn 10 mét), có lá mọc thành chùm ở ngọn cây, thân lá xếp hình lông chim, lung linh trong nắng sớm, đong đưa trước gió chiều hay in hình trên nền trời xanh thẳm vào những đêm trăng sáng; cùng hình ảnh những giàn trầu không xanh rờn với những chiếc lá to bằng bàn tay, có hình trái tim duyên dáng nơi góc vườn của nội, của ngoại... đều là những hình ảnh thân quen đã in sâu vào ký ức của nhiều người. Ngày nay chúng đã trở thành những hình ảnh biểu tượng cho quê hương trong nỗi nhớ, niềm thương của bầy con xa xứ.

Hoa cau thì mọc thành một chùm lớn, phân nhánh, có mo bọc ngoài. Khi hoa kết trái thì buồng cau nở lớn, mo cau khô, rụng xuống. Câu ca dao sau đây đã mô tả hình ảnh và giới thiệu thời gian cau đơm hoa kết trái một cách thật lý thú:

- Đầu rồng đuôi phượng te te

Mùa đông ấp trứng, mùa hè nở con.

Riêng loại cau liên phòng, còn gọi là cau tứ quý thì ra trái cả bốn mùa. Khi được mùa, mỗi

buồng cau có đến trên trăm trái, hình bầu bầu và lớn bằng quả trứng gà.

Trầu cau không chỉ được trồng để nhà dùng mà nhiều khi còn là nguồn sống của gia đình và lập nên cửa nhà:

- Anh về cuốc đất trồng cau,
Cho em vun ké dây trầu một bên.
Chừng nào trầu nọ bén lên,
Cau kia sai trái lập nên cửa nhà.

Chả thế, gia đình nào có cả vườn trồng cau sinh lợi đều được kể là một trong những nhà giàu có nơi thôn dã:

- Nhà ngói, cây mít
- Ruộng sâu, trâu nái
hay
- Vườn cau, ao cá.

Ở nước ta, từ Bắc chí Nam đều có nhiều vùng nổi tiếng trồng trầu cau và sản xuất được nhiều trầu cau ngon, gửi bán đi các nơi hoặc để xuất cảng.

Theo tài liệu của Đỗ Tất Lợi, trước đây (1930) diện tích trồng cau ở ngoài Bắc ước chừng 2.500 hectare, chủ yếu là các vùng Hải Dương, Kiến An, Quảng Ninh, Nam Định và Thái Bình. Ca dao cũng có câu:

- Đồn rằng kẻ Trọng lằm cau,
Kẻ Cát lằm luá, kẻ Mau lằm tiền.

Ở miền Trung, diện tích trồng cau khoảng 1.400 hectare. Đặc biệt trầu Chợ Dinh với cau Nam Phổ đã được ca dao vùng Huế ở Thừa Thiên ca tụng hết lời:

- Trầu Chợ Dinh với cau Nam Phổ
Non vôi cũng đỏ, thiếu vỏ cũng ngon.
Hạt thơm mà xác lại giòn,
Lược tiếng khen là phải, dấy tiếng đồn không sai.

Chợ Dinh và Nam Phổ là hai đại xã nằm đối diện nhau ở hai bên bờ sông Hương, thuộc ngoại biên thành phố Huế.

Trong Nam, cau được trồng nhiều ở Mỹ Tho, Bến Tre, Cần Thơ, nhưng có tiếng hơn cả là trầu cau Bà Điểm - Hóc Môn. Bà Điểm - Hóc Môn, một miệt vườn ngoại thành Sài Gòn, có biệt danh là Mười Tám Thôn Vườn Trầu, chỉ vì cả mười tám thôn làng nơi đây dân chúng đều trồng trầu làm nghề chính. Trầu trồng từ vườn nhà này tiếp nối vườn nhà kia, tạo thành một vùng trầu xanh tươi bát ngát. Hiện nay, một phần do chiến tranh tàn phá, một phần do giới trẻ bỏ hẳn tục ăn trầu nên diện tích trồng trọt tất đã giảm nhiều.

2. Công dụng của trầu cau

Trầu cau rất đa dụng, nhất là cau. Thân cau được dùng làm cột nhà, làm cầu, người ta bắc thành cầu khỉ hay đóng thành bè thay cầu ván. Mo cau để lợp nhà, làm quạt, làm gầu tát nước, đôi khi còn để đựng đồ như gói tiền, gói vàng hay bọc thức ăn. Tà cau thì làm chổi quét sân v.v...

Trong Đông-y, ngành thuốc Nam, trầu cau được dùng làm thuốc chữa bệnh. Theo Đỗ Tất Lợi, lá trầu già nhỏ ép lấy nước chữa viêm mủ chân răng hoặc hòa với nước để rửa các vết lở loét, mụn nhọt hay vết chàm của trẻ sơ sinh. Lá trầu già nhỏ để nguyên chất đắp lên ngực chữa ho hen, đắp lên vú cho sữa ngưng chảy.

Còn cau thì vỏ cau chữa bụng đầy trướng, bí tiểu, ồm nghén, nôn mửa. Hạt cau khô giúp sự tiêu hóa, viêm ruột, sốt rét, sán lãi và bệnh chốc đầu trẻ em. Tất nhiên, công dụng chính của trầu cau là để ăn. Ăn trầu vừa chắc răng, bổ xương, lại vừa ngon miệng, say sưa vui chuyện; ngoài ra ăn trầu còn để làm đẹp.

Một miếng trầu được gọi là khẩu trầu gồm có một lá trầu xanh hay xanh ngả vàng tèm sẵn, trong để chút vôi; cộng với một miếng cau, ngoài là vỏ xanh đậm rồi đến cùi có sợi trắng ngà, phía trong, phần trên là thịt trắng phau, dưới là hạt nhờ nhờ lòng tôm; cộng thêm một lát vỏ mỏng chuyển dần từ màu nâu non đến phớt hồng (thường lấy từ rễ các cây chay, mít chay hay cây đề ...). Nhìn màu sắc đã thấy đẹp mắt, khi ăn vào còn có vị ngọt ngọt của cau, cay cay, thơm thơm của lá trầu (toàn thân cây trầu có tinh dầu thơm), chất chát của hạt và vỏ (có chất tanin), cùng cảm nhận được cơ thể đang nóng nóng vì vôi và đầu óc hơi choáng váng say vì trong hạt cau có chất arécoline làm kích thích thần kinh hệ.

Đã vậy, nếu còn được đệm thêm tí quế, tí hồi hay tí thuốc Lào, thuốc lá thì miếng trầu ăn vào càng tăng phần kích thích, làm thêm nóng bừng cơ thể, thêm dậy hồng đôi má và thêm long lanh cặp mắt. Sau nữa, nước cốt trầu có sắc màu đỏ tươi làm hồng thắm đôi môi. Người phụ nữ xưa đã biết lợi dụng những ưu điểm này của miếng trầu, nên họ ăn trầu còn để làm đẹp.

Làm đẹp cũng phải biết cách và phải có nghệ thuật nữa. Đời nào chả thế, người phụ nữ xưa "có trầu chẳng để môi thâm" đã đành, mà còn biết cách ăn hai ba miếng trầu liên tiếp nhau, tạo cho được một cặp môi đỏ có đường viền như sợi chỉ, trông thật quyến rũ, được mệnh danh là "môi ăn trầu cắn chỉ". Khác nào ngày nay chị em bạn gái chúng ta, sau khi đã tô son trên đôi môi rồi còn lấy bút lông vẽ thêm một đường son đỏ đậm thật nhỏ quanh vành môi cho đôi môi thêm nổi.

Sau hết, trầu cau được sử dụng làm phương tiện giao tiếp xã hội, biểu lộ tình cảm và được dùng làm lễ vật trong những dịp cưới xin, tang ma, cúng tế gia tiên và thần linh.

3. Tục Mời Trầu

Tục mời trầu ở xứ ta cho thấy, trầu cau là phương tiện không thể thiếu trước nhất trong những nghi thức giao tế hằng ngày ngoài xã hội. Vì "Miếng trầu là đầu câu chuyện", là "đầu trò tiếp khách", nên chi vừa gặp nhau, sau mấy tiếng chào hỏi, người ta liền mở trầu mời ăn rồi mới nói gì thì nói, bàn gì thì bàn:

- Có trầu thì gỡ trầu ra
- Trước là đãi bạn, sau ta với mình.
- Người ta còn mời trầu để bắt chuyện làm quen:
- Tiện đây ăn một miếng trầu
- Hỏi rằng quê quán ở đâu chẳng là?
- Xưa kia ai biết ai đâu,
- Chỉ vì điếu thuốc, miếng trầu nên quen.

Nhất là khi tới chỗ xa lạ, muốn được đón nhận vui vẻ, người khôn ngoan phải có cơ trái đem ra mời chào mọi người để gây thiện cảm. Nếu vì một lẽ gì mà thiếu sót thì họ sẽ vô cùng áy náy, băn khoăn:

- Nhẽ thì có khẩu trái hoa
Hiềm vì chợ vắng, nhà xa thế nào.
Nghĩ sao đây, hỡi anh hào
Lấy gì tiếp đãi mà chào chị em?

Lại nữa, người xưa thường cho rằng ăn trái lúc nào là được hưởng chút hương vị cuộc đời lúc đó, kéo thời gian vùn vụt trôi qua, già lúc nào không biết.

- Lại đây ăn một miếng trái
Nữa mai tuyền nhuộm mái đầu huê râm.

Trong phạm vi tình yêu và hôn nhân, tục mời trái đã được người bình dân khai thác triệt để. Vì trái cau còn là lễ vật cưới xin nên những hình ảnh, màu sắc, hương vị của trái, cau, vôi... luôn luôn gợi ý cho thanh niên nam nữ liên tưởng tới những chuyện tình yêu, chuyện duyên phận lứa đôi:

- Vào vườn hái quả cau non,
Anh thấy em giòn muốn kết nhân duyên.
- Phấn trắng hơn vôi, vôi nong phấn lạt,
Bởi anh thương nàng, mới lạt tới đây.
- Vôi nong, trái thắm ai ơi,
Gá duyên chồng vợ ở đời trăm năm.
- Trái xanh, cau trắng, chay hồng
Vôi pha với nghia, thuốc nong với duyên.

Thế nên việc mời trái người khác phái nhiều khi phải hiểu là một cách tỏ tình gián tiếp, và đồng thời cũng đểướm thử xem tình cảm của người ấy đối với mình ra sao.

Thường thì người con trai chủ động, mời trái trước:

- Gặp nhau ăn một miếng trái
Gọi là chút nghia về sau mà chào.
và họ đã không quên lợi dụng lúc mời trái để tán tỉnh các nàng:
- Trái ăn là nghia, thuốc xỉa là tình,
Đội ơn cha mẹ sinh mình dễ thương.
- Trái lên nửa nọc trái vàng
Khéo khen phụ mẫu sinh nàng dễ thương.

Nếu người con gái dứt khoát từ chối không nhận trái thì dù sự từ chối ấy lịch sự, tế nhị đến đâu cũng phải hiểu đó là sự từ chối tình yêu:

- Thưa rằng bác mẹ tôi răn
Làm thân con gái chớ ăn trái người.

Còn như người con gái chỉ tỏ ý ngần ngại, vì muốn tìm hiểu thêm tình ý của đối phương:

- Miếng trái ăn nặng bằng chì,
Ăn rồi em biết lấy gì trả ơn?

Thì người con trai trong trường hợp này phải trấn an liền, và tỏ lộ rõ tình ý đúng đắn, xây dựng của mình:

- Miếng trầu ăn nặng là bao,
Muốn cho đông liễu, tây đào là hơn.
- Miếng trầu là nghĩa tương giao,
Muốn cho đây đây duyên vào hợp duyên.

Một khi thấy ý hợp, lòng ưa rồi người con gái mới nhận trầu. Hành động này hàm ý Ấch chấp thuận, thật là một cách bày tỏ tình cảm vừa kín đáo, tế nhị, vừa duyên dáng dễ thương. Từ ngày nhận ăn miếng trầu kết nghĩa tương giao, gắn bó trở về, tình yêu của người con gái lớn dậy, làm thăng hoa cuộc sống. Nàng trở nên xinh tươi, đầm thắm:

- Từ ngày ăn miếng trầu anh,
Cho nên má đỏ, tóc xanh đến giờ.

Và thường để tâm hồn lãng mạn bay xa, mơ tưởng về một ngày mai được sống trong hạnh phúc lứa đôi với chàng, được cùng chàng thân mật dùng chung một hộp trầu, một ống vôi:

- Ước gì chung mẹ chung thầy
Để em giữ cái quạt này làm thân.
Rồi ra chung gối chung chăn,
Chung quần, chung áo, chung khăn đội đầu.
Nằm thì chung cái giường tàu,
Dậy thì chung cả hộp trầu, ống vôi.

Trở về hiện tại, giây phút sung sướng nhất hiển nhiên là giây phút nàng được thưởng thức những miếng trầu tình ái do chàng trao tặng:

- Trầu này đủ vỏ, đủ vôi
Đủ cau, đủ thuốc, đủ mùi xạ hương.
Không ăn thì bảo rằng thường
Ăn rồi thì biết người thương thế nào.

Nhất là những miếng trầu ấy lại được chàng quý hóa, trân trọng bọc trong chiếc khăn tay trắng, dành riêng cho nàng:

- Trầu bọc khăn trắng cau tươi,
Trầu bọc khăn trắng đôi người xinh xinh.
Ăn cho nó thỏa tâm tình,
Ăn cho nó thỏa sự mình sự ta.

Phần nàng, nàng cũng không quên sửa soạn sẵn những miếng trầu thật đặc biệt:

- Khẩu trầu chính là khẩu trầu
Ở giữa đệm quế, hai đầu thơm cay.
Có ăn mới biết đến cay
Có ăn mới biết trầu cay, trầu nồng.
rồi buộc trầu trong dải yếm đào để đem tới tặng lại chàng với tất cả tấm lòng trù mến:
- Trầu em buộc dải yếm đào
Hỏi người tri kỷ ăn vào có say?
Những kẻ đang yêu ăn trầu dễ say lắm. Nhiều khi họ tự hỏi họ say vì trầu hay say vì tình, vì mê bóng sắc của nhau ?
- Tay ai như ngọc, như ngà
Đưa trầu ta tưởng đưa ta miếng vàng.
Anh say nhan sắc của nàng
Hay say vì miếng trầu vàng, cau tươi ?